

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Ba

2. Ông Đào Bá Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công K vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim K, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp 1A, xã T, huyện B, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Ngu Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ : ấp 1A, xã T, huyện B, tỉnh L.

(Bà K yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-7-2019, bản tự khai ngày 09-9-2019 và các lời trình bày trong các Biên bản tại Tòa án, nguyên đơn Lê Thị Kim K trình bày:

Bà Lê Thị Kim K và ông Ngu Văn T do quen biết và tiến tới hôn nhân. Được gia đình tổ chức đám cưới năm 2005 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh L vào ngày 16/6/2009. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại Phan Thiết. Đến năm 2008 thì vợ chồng chuyển đến sinh sống tại xã T, huyện B, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính ông T gia trưởng, khó khăn với bà về tiền bạc. Từ đó đến nay giữa hai người bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ngu Văn T.

Quá trình sống chung bà K, ông T có 01 con chung tên Ngu Quang N sinh ngày 07/10/2006. Bà K đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà K không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, bà K còn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Ông Ngu Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công K chứng cứ và hoà giải; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công K chứng cứ; Biên bản không hoà giải được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng ông T không có mặt bất kỳ buổi làm việc nào, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Kim K yêu cầu ly hôn với ông Ngu Văn T. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” và thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Lê Thị Kim K có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và yêu cầu không tiến hành hoà giải. Ông Ngu Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bà K và ông T.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim K và ông Ngu Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lnên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo bà K trình bày thì từ đầu năm 2019 vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân, hai người không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà K yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy, giữa hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà K và ông T có 01 con chung tên Ngu Quang N sinh ngày 07/10/2006, hiện nay con chung đang sống chung với cha và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với cha; ông T không có ý kiến về vấn đề này. Xét thấy để đảm bảo điều kiện sống ổn định của con chung nên cần thiết giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà K yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con, ông T không có ý kiến gì về nghĩa vụ cấp dưỡng của bà K. Do đó, bà K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà K, ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà K xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị Kim K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim K. Cho bà Lê Thị Kim K ly hôn với ông Ngu Văn T.

2. Về con chung: Ông Ngu Văn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngu Quang N sinh ngày 07/10/2006. Bà Lê Thị Kim K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001175 ngày 09-08-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Kim K đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã T (số 46 ngày 16/6/2009);
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Hồ Thị Miên